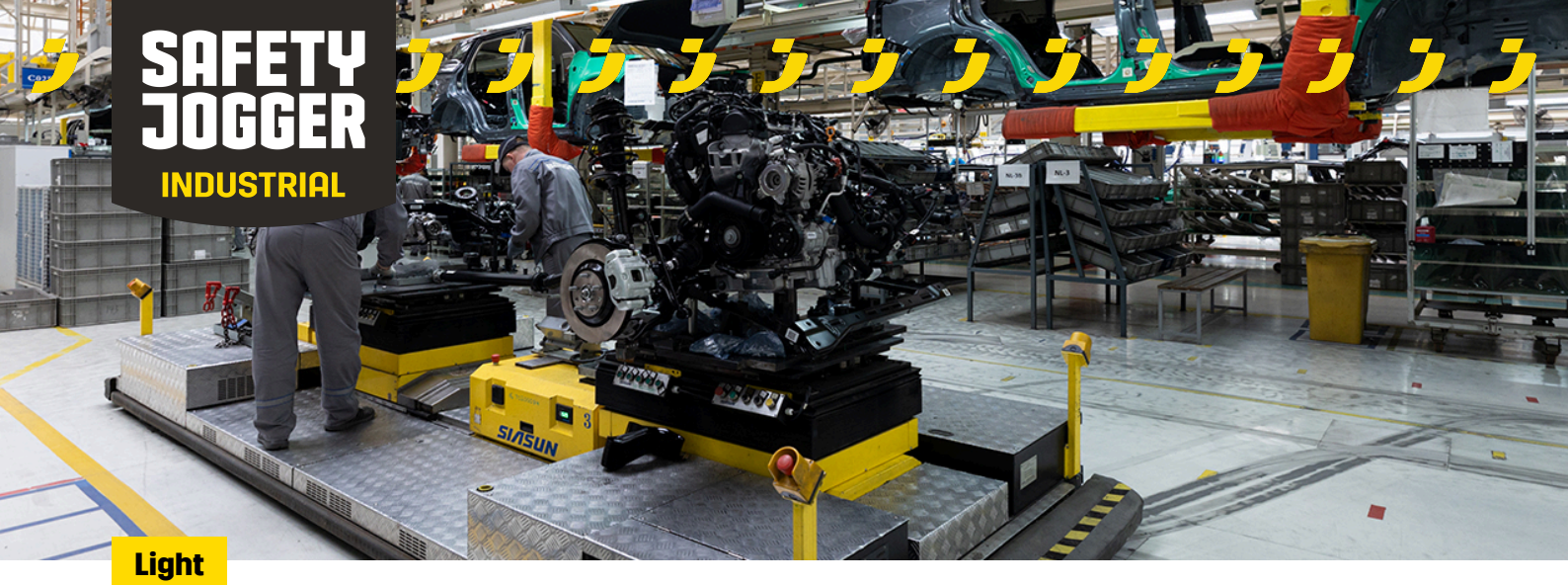
SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Light

BOTANIC S1P MID

BOTANICS1P

Giày bảo h ộ c ổ **trung bình,** đạt chứ n g nhận **ESD,** ch ố n g ợt tư ộ **dành cho** nữ .

Đ ư ế **dành cho** phụ nữ làm việ c **trong** n g hiệ p nh ẹ , giày an toàn S1P này có mũi giày và đế g **thép,** khả năng chư ố t t g t, tuân thủ ESD và đư ợc chứ n g nhận là có th ể bám vào thang. Mũi giày an toàn b ề n bỉ giúp ch ố n g mài mòn và bảo vệ bàn chân khỏi các mảnh vỡ.



813

Những vật liệu cao cấp mang lại, D	Da l
ót bên trong	i tái chế lướ
rong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S1 P / SR, SC, LG, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-43
ng lượng t thép	0.540 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



Tay nắm bậc **thang (LG)**
Đường viền được xác định đặc bi giày an toàn đặc tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.



& nhiên đầu
ế ngoài có k khả năng và nhiên dầu.



đế **ngoài không đánh** dấ
ế ngoài không đánh dấu trên mặt đất



ợt **(SR)** n t Chống t
dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử ướ c thực hiện bằng xà phòng và dầ



iữa bằng **thép**
iữa bằng thép chống đâm thủng được làm bằng thép i hoặc không phủ và ngăn các vật sắc nhọn xâm nhập từ đế ngoài.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
i chắ Giá đỡ bằng nhựa cứng hoặc rơ

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n:

Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Thự c phẩm & đồ Xây dự ng, hậ

ường: **Môi** t

rư ờn g ẩm, Bề mặt cự c mị n , b ề mặt **không** bằn g phẳn g

Cac hương dẫn ba#o tri:

éo dài t ời gian, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp phù hợp

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết quả	đơn vị đo lường
Những vật liệu, Da l cao cấp hơn				
	Top: khả năng thấm hơi	? 0.8	3.3	mg/cm/giờ
	Top: hệ số hơi	? 15	27.3	mg/cm2
ót bên trong	i tái chế			
	Lớp lót: thấm hơi	? 2	49.8	mg/cm/giờ
	lót: hệ số hơi	? 20	398.8	mg/cm2
rong	Đệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)			
	Đệm chân: Độ bền mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài	Đế PU / PU			
	Chỉ số trượt ngang đế ngoài (	? 150	135.4	mm
	Chương trình thử nghiệm trượt bằng gót - Ceramic + NaLS - Trượt gót về phía t	? 0.31	0.39	ma sát
	Chương trình thử nghiệm trượt bằng gót - Gỗ sồi + NaLS - Trượt lùi về phía t	? 0.36	0.38	ma sát
	Chương trình thử nghiệm trượt bằng gót - Gỗ sồi + Glycerin - Trượt gót về phía t	? 0.19	0.26	ma sát
	Chương trình thử nghiệm trượt bằng gót - Gỗ sồi + Glycerin - Trượt lùi về phía t	? 0.22	0.29	ma sát
	Điện trở Giá trị tính điện	0.1 - 1000	200	megaohm
	Điện trở ESD Giá trị	0.1 - 100	21.2	megaohm
	Hấp thụ năng lượng gót chân của	? 20	25	J
Đầu ngón	**Thép**			
	Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo hộ chống nén (khoảng hở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 200J)	? 14	15.5	mm
	Mũi giày an toàn chống nén (khoảng hở sau khi nén 15kN)	? 14	19.5	mm

kích thước thép: 38

a chúng tôi. Giày bảo hộ có thể thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ết quả	đơn vị đo lường
i CO# thải			
	Vật liệu	6.85	kg
	Bao bì	0.13	kg
ất	Sản xuất	1.90	kg
	Chuyên chở	0.26	kg
		9.14 kg CO2/cặp	

	Sự miêu t ả	ết quả	K
ệ vật l	Tiệt tái chế		
	Product	9%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:

Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] có thể thay đổi.